TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2024/QĐ-CNKQHGTTTA	*TP.N, ngày 04 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N

- Căn cứ vào các Điều 9, 32, 33, 34, 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- Căn cứ vào các Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Căn cứ Điều 156, 157 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc giải quyết tranh chấp Hợp đồng tín dụng trong hồ sơ Hòa giải đối thoại tại Tòa án số 03/2024/KDTM ngày 26/01/2024.
- Căn cứ vào các tài liệu đã thu thập của Tòa án.

XÉT THẤY

Nội D thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các bên:

Người khởi kiện: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Địa chỉ: tháp BIDV, số 194 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Đức Tú – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thanh Tùng – Chức vụ: quyền Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh N.

Người được ủy quyền lại:

1. Ông Vũ Mạnh Linh – Chức vụ: Phó giám đốc.
2. Ông Nguyễn Huy Sáng – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng 3.
3. Ông Trần Minh Tú – Chuyên viên khách hàng 3.

Người bị kiện:

1. Anh Trần Văn H, sinh năm 1981.

2. Chị Trần Thị D, sinh năm 1983.

Đều trú tại: thôn 3 K, xã G, huyện Gia Viễn, tỉnh N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trần Văn P, sinh năm 1977

Chị Trần Thị L, sinh năm 1980

Đều trú tại: thôn 3 K, xã G, huyện Gia Viễn, tỉnh N

2. Sự thỏa thuận của các bên cụ thể như sau:

a. Về dư nợ

Ông Trần Văn H và bà Trần Thị D còn nợ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng số 153212/19/7182691/HĐTD ngày 24/06/2019, 153159/20/7182691/HĐTD ngày 30/09/2020, 153205/20/7182691/HĐTD ngày 26/11/2020, 153234/20/7182691/HĐTD ngày 31/12/2020 giữa ông Trần Văn H, bà Trần Thị D với BIDV (sau đây gọi tắt là "các Hợp đồng tín dụng" hay "các HĐTD"), tạm tính đến hết ngày 17/3/2024 là 2.529.792.991 đồng (Bằng chữ: *Hai tỷ, năm trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi mốt đồng).*

Cụ thể như sau:

STT	Hợp đồng tín dụng ("HĐTD")	Nợ gốc	Nợ lãi	Nợ lãi quá hạn	Tổngcộng
1	Hợpđồngtíndụngsố 153212/19/7182691/HĐTD ngày 24/06/2019	1.645.500.000	524.599.358	107.344.038	**2.277.443.396**
2	Hợpđồngtíndụngsố 153159/20/7182691/HĐTD ngày 30/09/2020	100.000	7.114.208	3.503.140	**10.717.348**
3	Hợpđồngtíndụngsố 153205/20/7182691/HĐTD ngày 26/11/2020	130.010.000	72.708.549	36.354.306	**239.072.855**
4	Hợpđồngtíndụngsố 153234/20/7182691/HĐTD ngày 31/12/2020	100.000	2.045.624	413.768	**2.559.392**
	Tổng	**1.775.710.000**	**606.467.739**	**147.615.252**	**2.529.792.991**

b.Về trách nhiệm trả nợ:

Ông Trần Văn H và bà Trần Thị D có trách nhiệm trả nợ cho BIDV toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, tạm tính đến hết ngày 17/3/2024 là 2.529.792.991 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm chín mươi mốt đồng).* Trong đó:

Nợ gốc là 1.775.710.000 đồng.

Nợ lãi, lãi quá hạn là 754.082.991 đồng.

Kể từ ngày 18/3/2024, ông Trần Văn H và bà Trần Thị D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền nợ lãi, nợ lãi quá hạn phát sinh của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với BIDV.

Thời hạn trả nợ: chậm nhất ngày 30/6/2024.

Trường hợp ông Trần Văn H và bà Trần Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận trên thì BIDV có quyền yêu cầu thanh toán ngay toàn bộ số tiền nợ chưa thanh toán theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, đồng thời yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp của ông Trần Văn H và bà Trần Thị D (theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 153158/17/7182691/HĐBĐ ngày 23/11/2017, Hợp đồng thế chấp tài sản số 153076/19/7182691/HĐBĐ ngày 19/06/2019) và tài sản thế chấp của ông Trần Văn P và bà Trần Thị L (Hợp đồng thế chấp bất động sản số 153065/19/7182691/HĐBĐ ngày 13/05/2019) để thu hồi toàn bộ khoản nợ của ông Trần Văn H và bà Trần Thị D tại BIDV. Các tài sản thế chấp là:

- Tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 465, tờ bản đồ số 7, thôn K, xã G, huyện Gia Viễn, Tỉnh N, diện tích đất 80m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 448254 do UBND Huyện Gia Viễn cấp ngày 14/07/2011, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00756 cấp cho ông Trần Văn H và bà Trần Thị D.

- Tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 234, tờ bản đồ số 5, xã Đ, huyện Nho Quan, tỉnh N, diện tích đất 133,5m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 359961 do UBND Huyện Nho Quan cấp ngày 27/08/2018, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00118 cấp cho ông Trần Văn P và bà Trần Thị L.

- Tài sản là tàu chở hàng khô mang biển kiểm soát NB-8363 theo Giấy chứng nhận đăng ký P tiện thuỷ nội địa số: 8363-2019/ĐK do Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 29/05/2019 mang tên Trần Văn H.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không thu hồi đủ nợ thì ông Trần Văn H và bà Trần Thị D có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn lại cho BIDV cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

3. Về chi phí tố tụng: Số tiền chi phí Hòa giải đối thoại là 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) và chi phí xem xét thẩm định tài sản là 10.000.000đồng (*mười triệu đồng*). Ngân hàng BIDV xin chịu toàn bộ chi phí và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Thành phố NB;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy